| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 108/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 6 – 2026
*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh.
***Các Hội thẩm nhân dân***: Ông Lưu Nam Thương.
Bà Đàm Thị Thúy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/2026/TB – TA ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 02/6/2003.

Căn cước công dân số: 030303002638; cấp ngày: 28/4/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi ĐKHKTT: Đội S, thôn V, xã N, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Số B, đường Z, quận T, thành phố T, Đài Loan.

*Người được chị P ủy quyền về việc giao nhận văn bản:* Chị Vũ Thị C, sinh ngày 28/01/1990. Căn cước công dân số: 030190019276 cấp ngày: 11/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy H, sinh ngày 31/8/1997.

Căn cước số: 030097002779; cấp ngày: 05/8/2025; nơi cấp: Bộ Công an.

Nơi ĐKHKTT: Đội M, thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/01/1970; Căn cước công dân số: 030070008145; cấp ngày: 04/04/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng.

- *Người làm chứng:* Bà Lê Thị H1, sinh ngày 10/5/1974; Căn cước công dân số: 030174008554, cấp ngày: 10/04/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Chị và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hải Phòng vào ngày 13/12/2021. Sau khi kết hôn, chị và anh H về chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh H tại Đội M, thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu tháng 6/2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Do chị vừa sinh con nhỏ phải chịu nhiều áp lực, vất vả nhưng không nhận được sự quan tâm, yêu thương và chăm sóc của chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Cuối tháng 6/2022 thì anh H quyết định đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do vợ chồng đã có mâu thuẫn từ khi còn ở trong nước nên khi sang đến Đài Loan, mỗi người ở một nước khác nhau thì chị và anh H ít liên lạc, anh H gọi điện về nhà chủ yếu chỉ nói chuyện với bố mẹ đẻ của anh mà không nói chuyện với chị, vợ chồng không quan tâm, không chia sẻ với nhau. Tháng 3/2024, khi con chung cứng cáp hơn thì chị gửi con cho bố mẹ chồng và cũng sang Đài Loan làm việc với mong muốn hai vợ chồng được ở gần nhau, cùng nhau bảo ban, chăm lo, vun vén kinh tế gia đình và hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng bị rạn nứt nhiều năm. Khi sang đến Đài Loan thì vợ chồng chị dọn về chung sống với nhau và sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2025 thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên chửi bới, xúc phạm và có đánh đập chị, áp lực với cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đã chuyển ra ngoài ở riêng, vợ chồng chị cũng đồng thời sống ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng chị mâu thuẫn nhau một thời gian dài, gia đình hai bên đều biết, có khuyên giải, động viên, bản thân chị cũng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần những không thành. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H đã rất trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống

cùng nhau được nữa, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để anh chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H2, sinh ngày 12/06/2022. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trong thời gian chị đi làm vắng nhà thì chị ủy quyền cho bố mẹ đẻ của chị là ông Nguyễn Hữu T1 và bà Đặng Thị P1, hiện ông bà thường trú tại: Đội S, thôn V, xã N, thành phố Hải Phòng chăm sóc và nuôi dưỡng giúp chị. Chị sẽ có trách nhiệm gửi tiền về hàng tháng để nhờ ông bà chăm sóc con giúp chị. Chị sẽ thu xếp công việc để về nước sớm nhất trực tiếp chăm sóc con chung. Trường hợp anh H có quan điểm muốn được giao chăm sóc và nuôi dưỡng con chung thì chị đồng ý. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay chị P đang lao động tại Đài Loan, không thể có mặt ở trong nước để giải quyết vụ án theo quy định nên chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

** Theo bản tự khai ngày 28/4/2026, anh Nguyễn Duy H trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn ngày 13/12/2021, để tích lũy tài chính nuôi con chung, anh đã đi Đài Loan xuất khẩu lao động, sau đó, năm 2024, chị P cũng sang Đài Loan làm việc cùng anh. Tuy nhiên, từ tháng 3/2025, do mâu thuẫn trong cuộc sống chung không thể hòa giải, chị P đã bỏ ra ngoài sống riêng. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H2 sinh ngày 12/6/2022. Sau khi anh đi Đài Loan, chị P và cháu H2 sống chung với cha mẹ đẻ của anh là ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H1. Tại thời điểm này, chị P ở nhà và không có thu nhập, mọi chi phí sinh hoạt đều từ khoản tiền anh gửi về và thu nhập của cha mẹ anh. Từ ngày chị P đi Đài Loan (tháng 3/2024), cháu H2 được cha mẹ đẻ của anh cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Hàng tháng, anh đều đặn gửi về 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng làm chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2; đồng thời, duy trì liên lạc thường xuyên để theo dõi quá trình trưởng thành của cháu. Hiện tại, cháu H2 đang đi học tại trường mầm non xã T. Từ tháng 3/2025, chị P đã không gửi tiền về nuôi dưỡng cháu H2 và cũng không gọi bất kỳ cuộc gọi nào để hỏi thăm tình hình của cháu. Bố mẹ của chị P là ông Nguyễn Hữu T1 và bà Đặng Thị P1 đã nhiều tuổi, ông T1 bị đau chân nhiều năm, không lao động được, chỉ thỉnh thoảng ông bà ngoại có đón cháu H2 về chơi một vài ngày. Nay, cháu H2 đã quen với điều kiện, môi trường

sống và được cha mẹ anh nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; dự kiến, năm 2027 anh sẽ về Việt Nam làm việc và trực tiếp chăm sóc cháu. Chị P đã không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2, nếu giao cháu cho cha mẹ chị P nuôi dưỡng sẽ gây ra sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Do vậy, anh không đồng ý yêu cầu được nuôi con của chị Nguyễn Thị P, đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H2.

Về tài sản chung nợ chung: Không có yêu cầu.

Anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị P được ly hôn; giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh H2 cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn đề nghị tống đạt văn bản tố tụng với nội dung: Hiện tại anh đang cư trú tại số B, đường T, thành phố Đ, Đài Loan và không có mặt tại địa chỉ thường trú tại Việt Nam. Để đảm bảo thực hiện quyền tố tụng của mình theo quy định pháp luật, anh đề nghị Tòa án tống đạt thông báo, văn bản tố tụng của Tòa cho anh theo địa chỉ của anh tại Đài Loan.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày*:

Anh Nguyễn Duy H sinh năm 1997 là con ruột ông, chị Nguyễn Thị P, sinh năm 2003 là con dâu ông. Anh chị có đăng ký kết hôn vào năm 2021, sau đó về chung sống cùng gia đình ông. Đến năm 2022 thì anh H đi lao động tại Đài Loan, chị P ở cùng gia đình ông. Đến năm 2024, khi cháu H2 – con chung của anh chị được khoảng 02 tuổi thì chị P cũng đi lao động ở Đài Loan. Hai anh chị ở Đài Loan không được hòa hợp, tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể thế nào thì gia đình không nắm rõ. Nay chị P xin ly hôn anh H thì quan điểm của anh H là cũng đồng ý ly hôn vì Tòa án có gửi thông báo, gia đình nhận được và đã thông báo lại với anh H thì anh H trình bày như vậy.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh H2 sinh ngày 12/6/2022. Hiện nay cháu đang ở với vợ chồng ông. Nếu anh chị ly hôn thì nguyện vọng của anh H và gia đình là tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2. Hơn 01 năm nay chị P không gọi điện về hỏi thăm con và cũng không gửi tiền về nuôi con. Thi thoảng bà ngoại của cháu có lên thăm và chơi với cháu. Chị P có trình bày là tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng để nuôi con chung thì anh H và gia đình cũng nhất trí. Cháu H2 ở với gia đình ông từ nhỏ đến nay. Nhà của ông rộng rãi, gần trường học, thuận tiện cho việc học hành của cháu. Hơn nữa, ông cũng ở nhà, có nhiều thời gian hỗ trợ anh H trông nom, chăm sóc cháu.

Trong thời gian anh H lao động ở nước ngoài không có mặt tại Việt Nam, anh H ủy quyền cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2. Ông đồng ý nhận ủy quyền của anh H, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh vắng nhà, ông không yêu cầu anh H và chị P phải cấp dưỡng nuôi cháu, chị P chu cấp bao nhiêu thì ông nhất trí.

Về tài sản chung: Anh chị không có gì.

Tòa án có giao cho ông các văn bản của Tòa, ông nhận và đã thông báo lại cho anh H. Anh H đã nắm được yêu cầu khởi kiện của chị P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Hiện tại anh H ở Đài Loan, ông không nắm được địa chỉ cư trú cụ thể của anh H ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Do ông bận công việc không tiện đi lại nên ông xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

** Người làm chứng bà Lê Thị H1 (mẹ ruột anh H) trình bày:*

Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 2003 là con dâu bà, anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1997 là con trai bà. Anh chị kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng). Anh chị kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới chị P về nhà bà sống tại thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận bình thường. Đến khoảng tháng 7- tháng 8 năm 2022 anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị P ở nhà cùng gia đình bà. Anh H đi lao động được khoảng 02 năm thì chị P cũng sang lao động ở Đài Loan. Hai vợ chồng thuê nhà trọ ở cùng nhau mỗi người làm 01 công ty. Hai anh chị ở cùng nhà trọ bên Đài Loan được khoảng hơn 01 năm thì chị P có gọi điện về thông báo cho bà và gia đình "hôm nay nhà con về thì con đi, con không ở, con và chồng con có nói chuyện cáu gắt nhau". Nói xong thì chị P không ở nhà trọ với anh H nữa mà ra chỗ khác ở từ đó đến nay không ở cùng anh H nữa. Từ ngày chị P thuê nhà chỗ khác thì không liên lạc gì với gia đình bà, cũng không gọi về hỏi thăm con gái. Khoảng mấy ngày trước bà có chủ động gọi điện cho chị P khuyên chị về ở cùng chồng con nhưng chị P không về và cũng không nói gì. Bản thân bà và gia đình mong muốn anh chị về đoàn tụ ở cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con cái. Chị P xin ly hôn, bà không mong muốn việc này xảy ra, vợ chồng bà có thông báo cho anh H về việc này anh H có quan điểm đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P và sẽ vẫn gửi văn bản về cho Tòa án sau.

Về con chung: Chị P và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H2, sinh ngày 12/6/2022. Nếu chị P và anh H ly hôn. Nguyện vọng của anh H và vợ chồng bà là muốn tiếp tục nuôi dưỡng cháu H2 cho đến khi cháu lớn. Bản thân chị P và anh H cũng đang không có ở Việt Nam nên Tòa án giao cháu H2 cho anh H nuôi dưỡng thì bản thân vợ chồng bà là ông bà nội của cháu H2 cũng sẽ thay mặt anh H trong lúc anh H không có mặt tại Việt Nam để nuôi dưỡng cháu H2 cho anh H. Nếu anh H được giao nuôi con thì ông bà có trách nhiệm hỗ trợ anh H trong việc chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung của anh chị bà không nắm được.

* Người được chị P ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng chị Vũ Thị C trình bày: Chị đồng ý nhận ủy quyền của chị P về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, chị đã thông báo cho

chị P biết, chị P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị P, anh H đăng ký kết hôn và đăng ký thường trú thể hiện: Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1997 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng. Anh H và chị Nguyễn Thị P, sinh năm 2003 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã T, thành phố Hải Phòng) vào năm 2021. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H, khi ở Việt Nam thì anh chị không có mâu thuẫn. Năm 2022, anh H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, đến năm 2024 thì chị P cũng đi lao động ở Đài Loan. Địa phương không nắm rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị, chỉ nghe nói rằng ở Đài Loan anh chị không hòa hợp nên đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Chị P cũng gần như không liên lạc với gia đình anh H. Nay chị P xin ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H2, sinh năm 2022 hiện tại cháu đang ở cùng ông bà nội là bố mẹ anh H. Đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của gia đình và quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Địa phương không nắm được.

Do anh H vắng nhà, không có mặt tại địa phương nên Tòa án và địa phương có tiến hành niêm yết các văn bản của Tòa theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P, cho chị P được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H2 sinh ngày 12/06/2022 cho anh Nguyễn Duy H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Tạm giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh H2 cho ông Nguyễn Văn T (là bố ruột) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H trở về Việt Nam. Chị P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh H2, sinh ngày 12/06/2022, với mức cấp dưỡng là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng tính từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Án phí: Chị Nguyễn Thị P

phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng 600.000 đồng *(sáu trăm nghìn đồng)*. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0002324 ngày 03 tháng 03 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị P còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Duy H. Bị đơn anh Nguyễn Duy H hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Đội M, thôn M, xã T thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H thông qua bố ruột anh là ông Nguyễn Văn T, đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh H có đơn gửi Tòa án cung cấp địa chỉ hiện tại của anh tại Đài Loan và yêu cầu Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh theo địa chỉ này. Trên cơ sở yêu cầu của anh H, Tòa án tiếp tục thực hiện tống đạt văn bản cho anh thông qua dịch vụ bưu chính theo địa chỉ mà anh cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa lần thứ hai chị P, ông T đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hải Phòng vào ngày 13/12/2021 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án xác định: Trong quá trình chung sống, chị P và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống; hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, không còn hạnh phúc. Anh chị sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung trên

thực tế không còn tồn tại. Tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã kéo dài, gia đình hai bên đều biết và đã nhiều lần khuyên giải, động viên nhưng tình trạng không cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị P và anh H đều xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hòa giải và đều có nguyện vọng được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng cho thấy cả hai đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh H đã trầm trọng, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Nguyễn Duy H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị P và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh H2, sinh ngày 12/06/2022. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Trường hợp anh H có quan điểm muốn được giao chăm sóc và nuôi dưỡng con giúp chị thì chị đồng ý. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Như vậy anh chị có quan điểm thống nhất về việc giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ nhỏ đến nay cháu H2 sinh sống ổn định cùng gia đình ông T, đã quen với môi trường sống cũng như người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời được bảo đảm các điều kiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặc dù anh H hiện đang ở Đài Loan, nhưng đã ủy quyền cho bố ruột là ông T thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2 trong thời gian anh vắng nhà; ông T cũng đã đồng ý nhận ủy quyền của anh H trong việc chăm sóc, nuôi dạy cháu H2 cho đến khi anh H trở về Việt Nam. Bên cạnh đó, anh H vẫn thường xuyên gửi tiền về để bảo đảm chi phí nuôi dưỡng cháu H2 và duy trì liên lạc thường xuyên nhằm theo dõi quá trình học tập, sinh hoạt và trưởng thành của cháu. Ông T cũng có điều kiện về thời gian, kinh tế và sức khỏe để hỗ trợ anh H trong việc chăm sóc, giáo dục cháu.

Để ổn định tâm lý, nơi ở và điều kiện học tập của con chung, tránh việc xáo trộn không cần thiết trong cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh H2 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh H số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng tính từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Do hiện tại anh H đang ở nước ngoài, nên tạm giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh H2 cho ông Nguyễn Văn T (là ông nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H trở về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên*:

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Nguyễn Duy H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H2, sinh ngày 12/06/2022 cho anh Nguyễn Duy H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác.

Tạm giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh H2 cho ông Nguyễn Văn T (là ông nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H trở về Việt Nam.

Chị P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc chị Nguyễn Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Quỳnh H2, sinh ngày 12/06/2022, với mức cấp dưỡng là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng tính từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Kể từ ngày anh H có yêu cầu thi hành án, nếu chị P không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng 600.000 đồng *(sáu trăm nghìn đồng)*. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0002324 ngày 03 tháng 03 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị P còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị P, anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã T, TP. Hải Phòng (ĐK Số 35/2021 ngày 13/12/2021);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Vân Anh**